

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA
Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/12/2025
(Kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Số kết luận thanh tra đã ban hành	Số đơn vị được thanh tra theo kết luận	Kiến nghị xử lý																		
	Tổng số	Phân loại						Vi phạm về kinh tế										Vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất			Tổng số tiền vi phạm về kinh tế (Triệu đồng)	Tổng số đất vi phạm về kinh tế (m ²)	Kiến nghị thu hồi						Kiến nghị xử lý khác		Bằng tiền			Xử lý trách nhiệm			Vụ	Đối tượng	
										Tổng số		Về NSNN		Về tổ chức, cá nhân		Tiền (Triệu đồng)	Đất (m ²)	Tổng số tiền (Triệu đồng)	Tổ chức (Triệu đồng)	Cá nhân (Triệu đồng)	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân			
										Tiền (Triệu đồng)	Đất (m ²)	Tiền (Triệu đồng)	Đất (m ²)	Tiền (Triệu đồng)	Đất (m ²)											
MS	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+16	9=11+17	10=12+14	11=13+15	12	13	14	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24	25	26
Thanh tra tỉnh	130	54	76	113	17	102	167	36.607,53	62.235	15.996,90	-	15.996,90	-	-	-	20.610,53	62.235	-	-	-	390	111	279	3	3	4
Kiểm tra	93	-	93	86	7	93	656	3.759,00	-	2.063,00	-	2.063,00	-	-	-	1.696,00	-	486,5	380,75	105,75	40	24	16	-	-	-
Tổng cộng	223	-	169	199	24	195	823	40.366,53	62.235	18.059,90	-	18.059,90	-	-	-	22.306,53	62.235	486,5	380,75	105,75	430	135	295	-	-	4

27. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Biểu này là biểu tổng hợp về thanh tra
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (25) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nêu tại Cột (6))
- Cột (7): Số đơn vị được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8) = (10) + (16): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VNĐ theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (17): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (10) = (12) + (14): Tổng số tiền kiến nghị thu hồi
- Cột (11) = (13) + (15): Tổng số diện tích đất
- Cột (16): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (17): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, ...)
- Cột (18) = (19) + (20): Tổng số tiền xử lý vi phạm hành chính theo kết luận thanh tra
- Cột (21) = (22) + (23): Xử lý trách nhiệm
- Nếu 1 tổ chức bị xử phạt bằng nhiều hình thức (vừa bằng tiền, xử lý trách nhiệm) thì thống kê vào cả hai cột (19), (22). Tương tự đối với cá nhân thì thống kê vào hai cột (20), (23)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA
Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/12/2025
(Kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m ²)																																		
Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Kết quả thực hiện thu hồi về ngân sách nhà nước				Kết quả thực hiện thu hồi về tổ chức, cá nhân				Kết quả thực hiện xử lý khác về kinh tế				Kết quả thực hiện xử lý vi phạm hành chính												Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
	Tổng số	Trong đó số kết luận chưa thực hiện xong kỳ trước chuyển sang	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (Triệu đồng)		Đất (m2)		Tiền (Triệu đồng)		Đất (m2)		Tiền (Triệu đồng)		Đất (m2)		Bằng tiền (Triệu đồng)						Xử lý trách nhiệm						Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ		Tổng số văn bản kiến nghị phải hoàn thiện	Số văn bản kiến nghị đã thực hiện xong
					Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Phải xử lý			Đã xử lý trong kỳ			Phải xử lý trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
																	Cộng	Tổ chức	Cá nhân	Cộng	Tổ chức	Cá nhân	Cộng	Tổ chức	Cá nhân	Cộng	Tổ chức	Cá nhân						
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=18+19	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24	25	26=27+28	27	28	29	30	31	32	33	34
Thanh tra tỉnh	150	66	89	61	18.059,90	13.074,09	-	-	-	-	-	-	22.306,53	21.810,89	62.235	-	-	-	-	-	-	390	111	279	366	97	269	-	-	-	-	4	4	

35. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Biểu này là biểu tổng hợp kết quả thực hiện kết luận thanh tra
- Cột (1)=3+4: Tổng số kết luận thanh tra được thực hiện đôn đốc, kiểm tra trong kỳ báo cáo
- Từ Cột (3) là số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện các kết luận thanh tra nêu tại Cột (1)
- Cột (3): Số kết luận thanh tra đã hoàn thành 100% việc thực hiện các kiến nghị nêu tại kết luận
- Cột (5): Tổng số tiền phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo, gồm số tiền phải thu từ các kết luận trong kỳ + số tiền chưa thu được từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (6): Tổng số tiền đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo; (6) <= (5)
- Cột (7): Tổng diện tích đất phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo, gồm số diện tích đất phải thu từ các kết luận trong kỳ + số diện tích đất chưa thu được từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (8): Tổng diện tích đất đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo; Cột (8) <= (7)
- Cột (13): Tổng số tiền phải xử lý khác (xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...) trong kỳ báo cáo, gồm số tiền phải xử lý khác từ các kết luận trong kỳ + số tiền chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (14): Tổng số tiền đã xử lý khác trong kỳ báo cáo; Cột (14) <= (13)
- Cột (15): Tổng diện tích đất phải xử lý khác trong kỳ báo cáo, gồm số đất phải xử lý khác từ các kết luận trong kỳ + số đất chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (16): Tổng diện tích đất đã xử lý khác trong kỳ báo cáo; Cột (16) <= (15)
- Cột (17) = (18) + (19): Tổng số tiền phải xử lý trong kỳ báo cáo;
- Cột (20) = (21)+(22): Tổng số tiền đã xử lý trong kỳ báo cáo; Cột (17) <= (20)
- Cột (23) = (24) + (25): Tổng phải xử lý trách nhiệm trong kỳ báo cáo;
- Cột (26) = (27) + (28): Tổng xử lý trách nhiệm trong kỳ báo cáo; Cột (26) <= (23)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 35 (nếu có)

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA
Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/12/2025

(Kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra		Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra							Kết quả thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	Số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
UBND tỉnh Thanh tra tỉnh	51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	44	-	-	2	340	27	14	16	14		-	-	14	14	22	-	-
Tổng cộng	95	-	-	2	340	27	14	16	14				14	14	22		

18. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (6): Thống kê tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện trong kỳ báo cáo (gồm triển khai trong kỳ và triển khai từ kỳ trước chưa ban hành kết luận chuyển sang).
- Cột (7): Số kết luận thanh tra, kiểm tra đã ban hành trong kỳ báo cáo
- Số liệu từ Cột (8) đến Cột (12) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra nêu tại Cột (7)
- Cột (8): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra theo kết luận thanh tra
- Cột (13): Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo, gồm số kết luận phải thực hiện trong kỳ và số kết luận từ kỳ trước chưa thực hiện xong chuyển sang
- Từ Cột (14) - Cột (17): Kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo đối với các kết luận nêu tại Cột (13)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 18 (nếu có)